

Bản án số: 48/2018/HS-ST

Ngày: 10-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang;
2. Bà Nguyễn Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10/5/2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2018/HSST ngày 08 tháng 03 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/HSST-QĐ ngày 10/4/2018 đối với các bị cáo họ và tên:

1. Lê Thị A, Tên gọi khác: Y; Sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H.T.P, phường T.P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: H.T.P, khu phố C, phường T.T.Đ, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn I và bà Lê Thị Đ; Có chồng và 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 30/9/2017, đến ngày 03/10/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn B; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1971 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn K.T.B, xã H.Đ, huyện N.H, tỉnh Quảng Ngãi; Tạm trú: H.T.P, phường T.T.Đ, Quận E, Tp. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn G và bà Huỳnh Thị H; Có vợ và 02 con (lớn 20 tuổi, nhỏ 14 tuổi) Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Bùi Thị Thanh D sinh năm 1988; trú tại: phòng 11, số nhà 49, Đường K, phường B.T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/9/2017, Đội Cảnh sát hình sự Công an quận 7 phối hợp cùng Công an phường T.T.Đ kiểm tra nhà số 487/35 H.T.P, phường T.T.Đ, Quận E phát hiện Nguyễn B có hành vi ghi bán số đề qua điện thoại nên mời về trụ sở công an làm việc. Tiến hành kiểm tra điện thoại số thuê bao 01646145780 của Nguyễn B có 03 người nhắn tin ghi số đề gồm: “E” (tức là Bùi Thị Thanh D, sinh năm 1988, địa chỉ: phòng 11, nhà số 49, đường số K, phường B.T, Quận E, sử dụng điện thoại sim số thuê bao 01655991700) ghi tổng cộng 1.780.000 đồng; L bắn cá (chưa rõ lai lịch, sử dụng điện thoại sim số thuê bao 0902532587) ghi tổng cộng 3.600.000 đồng; Bà M vé số (chưa rõ lai lịch, sử dụng điện thoại sim số thuê bao 01664166913) ghi qua tin nhắn điện thoại và gửi trực tiếp 01 tờ phoi, tổng cộng 3.235.000 đồng.

B khai nhận khoảng tháng 8/2017, B đến quán bán đồ ăn uống tại số 615 H.T.P, phường T.T.Đ, Quận E thì gặp chủ quán là Lê Thị A. A rủ B ghi bán số đề cho người đánh bạc, giao phoi lại cho A, A trả cho B 2% trên số tiền phoi ghi được. Tỷ lệ thắng thua A quy định cho B với người đánh bạc như sau: mua đề với số tiền 1.000 đồng mua 02 chữ số, nếu trúng sẽ được 72.000 đồng, 03 chữ số trúng sẽ được 620.000 đồng, 04 chữ số trúng sẽ được 5.400.000 đồng.

Ngày 29/9/2017, B đã ghi số đề qua tin nhắn được tổng cộng 8.615.000 đồng và chuyển phoi đề qua tin nhắn cho A.

Mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với Lê Thị A. A khai nhận bắt đầu từ khoảng tháng 6/2017 có nhận lời ghi phoi đề chuyển cho một phụ nữ thầu đề có tên là N (không rõ lai lịch, sử dụng số điện thoại 0939209073) và được N trích lại số tiền 2% trên tổng số tiền phoi ghi được. Hằng ngày, ngoài việc tự ghi bán số đề cho người mua đề, A còn tập hợp số đề do người khác bán để giữ lại một phần ăn thua với người đánh bạc, còn lại A chuyển giao phoi cho chủ thầu là bà N.

Ngày 29/9/2017, Lê Thị A đã nhắn tin “Ok” nhận phoi đề do 03 người chuyển giao cho gồm Nguyễn B chuyển tổng số tiền ghi số đề là 8.615.000 đồng, của O (chưa rõ lai lịch, sử dụng điện thoại sim số thuê bao 0907671878) chuyển tổng số tiền ghi số đề 720.000 đồng, của P (chưa rõ lai lịch, sử dụng điện thoại sim số thuê bao 01653942290) chuyển tổng số tiền ghi số đề 2.088.000 đồng. Sau đó A chuyển giao phoi đề cho thầu đề tên N tổng số tiền ghi đề là 3.550.000 đồng. Số còn lại 7.873.000 đồng A giữ lại ăn thua trực tiếp với người đánh bạc.

Cơ quan Công an cũng đã xác định được Bùi Thị Thanh D (sử dụng điện thoại sim số thuê bao 01655991700) là người nhắn tin mua số đề của B bao lô 02 đài Bình Dương, Vĩnh Long vào ngày 29/9/2017 với tổng số tiền 1.440.000 đồng (đã trả tiền cho B).

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Lê Thị A, Nguyễn B đã khai nhận hành vi phạm tội; trong thời gian ghi số đề, A đã thu lợi bất chính được số tiền 10.000.000 đồng, Nguyễn B đã thu lợi được số tiền 5.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Nguyễn B: 01 tờ giấy ghi phoi đề, 01 máy tính Casio, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng đồng và số tiền 7.200.000 đồng;

- Thu giữ của Lê Thị A: 01 điện thoại Oppo màu trắng vàng;

- Thu giữ của Bùi Thị Thanh D: 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

Bản Cáo trạng số 29/CT-VKSQ7 ngày 02/3/2018 truy tố các bị cáo Lê Thị A, Nguyễn B về tội Đánh bạc theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận trong thời gian ghi số đề bị cáo A thu lợi được số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo B thu lợi được 5.000.000 đồng, bị cáo B khai nhận, trong số tiền 7.200.000 đồng thu giữ của bị cáo có 1.440.000 đồng là tiền ghi số đề của bà D, số tiền 5.760.000 đồng là tiền bán cơm trong ngày của bị cáo; trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Lê Thị A từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng; phạt bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Áp dụng Khoản 1, Khoản 3 Điều 248; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Nguyễn B từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng; phạt bị cáo số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

Đề nghị xử lý vật chứng: tiếp tục lưu hồ sơ vụ án đối với tờ phoi đề thu giữ của bị cáo Nguyễn B. Đối với 01 máy tính Casio, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn B; 01 điện thoại Oppo màu trắng vàng thu giữ của bị cáo Lê Thị A: 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của Bùi Thị Thanh D, đây là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ. Đối với số tiền 7.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn B, trong đó có 1.440.000 đồng là tiền ghi số đề của bà Bùi Thị Thanh D, là tiền dùng để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước; số tiền 5.760.000 đồng là tiền riêng của bị cáo B, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Các bị cáo vì tham lam tư lợi, đã lợi dụng vào việc Nhà nước cho xổ số để ghi bán số đề ăn thua trực tiếp với nhau và với các con bạc. Các bị cáo trực tiếp nhận bán số đề cho những người mua số đề và bán số đề bằng tin nhắn qua điện thoại, sau đó tiếp tục nhắn tin giao lại phôi đề qua điện thoại để hưởng tiền hoa hồng và giữ lại một phần để trực tiếp ăn thua với những người mua số đề. Do đó đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác đồng thời gây ảnh hưởng xấu về mặt gia đình. Để đấu tranh phòng và chống tệ nạn cờ bạc, giữ gìn trật tự công cộng, bảo vệ tài sản của công dân, xét cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và ngăn ngừa chung trong xã hội. Các bị cáo là đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là lao động chính trong gia đình nên áp dụng Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn phạt tiền, tuy nhiên các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Đối với các đương sự tên bà M, N, P, O, L là những người nhận, giao phôi đề của các bị cáo Lê Thị A, Nguyễn B do chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra Công an Quận 7 tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với bà Bùi Thị Thanh D do số tiền mua số đề chưa đến mức xử lý hình sự nên Cơ quan điều tra đề nghị Công an phường T.T.Đ xử phạt hành chính là có căn cứ.

Xử lý vật chứng vụ án:

- 01 tờ phôi đề thu giữ của bị cáo Nguyễn B: là tài liệu có trong vụ án nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 máy tính Casio, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn B; 01 điện thoại Oppo màu trắng vàng thu giữ của bị cáo Lê Thị A; 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của Bùi Thị Thanh D: Đây là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ.

- Đối với số tiền 7.200.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn B, trong đó có 1.440.000 đồng là tiền ghi số đề của bà Bùi Thị Thanh D, là tiền dùng để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước; số tiền 5.760.000 đồng là tiền riêng của bị cáo B, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị A, Nguyễn B phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2010:

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị A 01 (một) năm tù được trừ đi thời gian tạm giam bị cáo từ ngày 30/9/2017 đến ngày 03/10/2017 nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày 10/05/2018.

Giao bị cáo Lê Thị A cho Ủy ban nhân dân phường T.T.Đ, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; bị cáo A phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự năm 2010:

Xử phạt bị cáo Nguyễn B 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày 10/5/2018.

Giao bị cáo Nguyễn B cho Ủy ban nhân dân phường T.T.Đ Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; bị cáo B phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

3.1. Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) máy tính màu trắng cam; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng đồng imei 867617026286917; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F1S, màu trắng vàng, số phiên bản A1601EX11A33170814 ; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, imei 35576063549000; số tiền 1.440.000 đồng (một triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng - theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước Quận 7 ngày 12/02/2018).

3.2. Trả lại cho bị cáo Nguyễn B số tiền 5.760.000 đồng (năm triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm việc thi hành án (theo giấy nộp tiền vào tài khoản của Kho bạc Nhà nước Quận 7 ngày 12/02/2018).

3.3. Thu và lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 (một) tờ giấy ghi phoi đề.

3.4. Buộc bị cáo Lê Thị A nộp lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), buộc bị cáo Nguyễn B nộp lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 46 ngày 01/3/2018 của Chi cục THADS Quận 7 và Giấy nộp tiền vào tài khoản Kho bạc Nhà nước Quận 7 ngày 12/02/2018).

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ ngày cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, chủ động ra quyết định thi hành án về khoản tiền các bị cáo A, B phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước, nếu các bị cáo chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án.

Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo tại phiên tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu sổ án, VT, hồ sơ; (Tk Duyệt) .

Lê Thuần Phong